

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **238/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 08/12/2022

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Thơm;
2. Ông Phạm Công Định.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 275/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 312/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1992

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn MB, xã TT, huyện NS, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Thôn Tantochoyane 1151 banchi, thành phố Toyokashi, tỉnh Hyogo ken, Nhật Bản (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **Vũ Văn Th**, sinh năm 1993

ĐKKH và hiện ở: Thôn MB, xã TT, huyện NS, tỉnh Hải Dương (có đề nghị xét xử vắng mặt).

- Người làm chứng: Ông Nguyễn Thành Kh, sinh năm 1959;

Địa chỉ: Thôn AL 1, xã An Lâm, huyện NS, tỉnh Hải Dương (có đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, chị Nguyễn Thị Đ trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Th được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện NS, tỉnh Hải Dương vào

ngày 14/6/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống chung của vợ chồng không có hạnh phúc. Năm 2017, anh Th đi lao động tại Nhật Bản, năm 2018 chị cũng đi lao động tại Nhật Bản, tuy hai người cùng làm việc tại Nhật Bản nhưng cuộc sống không có hạnh phúc, chị luôn sống trong sự lạnh lùng, có khi cả tuần không gặp nhau. Năm 2020, anh Th về nước thì chị và anh Th không còn nói chuyện với nhau nữa mà chị chỉ gọi điện hỏi thăm con chung. Ngày 01/7/2022, chị về nước thăm gia đình nhưng chị và anh Th cũng không gặp nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh Th nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th.

- *Về quan hệ con chung*: Chị và anh Th có một con chung là Vũ Bảo Ng, sinh ngày 18/12/2013, hiện cháu đang ở cùng anh Th. Anh Th có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu Ng, mặt khác chị vẫn đang làm việc ở Nhật Bản không có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con nên khi ly hôn chị nhất trí để anh Th được tiếp tục nuôi con, chị tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh Th là 2.000.000đ/tháng.

- *Về quan hệ tài sản chung*: Không đề nghị giải quyết.

* Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai anh Vũ Văn Th trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Thời điểm kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng, anh nhất trí như chị Đ trình bày. Năm 2017, anh sang lao động tại Nhật Bản, năm 2018 chị Đ cũng đi lao động tại Nhật Bản, tuy nhiên hai vợ chồng mỗi người một nơi. Do khoảng cách địa lý xa xôi, dẫn đến vợ chồng ngày càng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, năm 2020 anh về nước còn chị Đ vẫn ở lại Nhật Bản làm ăn. Anh và chị Đ hiện nay mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Chị Đ xin ly hôn anh nhất trí.

- *Về quan hệ con chung*: Anh chị có một con chung là Vũ Bảo Ng, sinh ngày 18/12/2013, hiện cháu đang ở cùng anh. Để ổn định cuộc sống cũng như học tập của con, anh đề nghị được tiếp tục nuôi con, chị Đ tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh là 2.000.000đ/tháng, anh nhất trí.

- *Về quan hệ tài sản chung*: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Đ và anh Th đều có đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm đã trình bày trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và

Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn anh Vũ Văn Th.

- Về con chung: Giao cháu Vũ Bảo Ng, sinh ngày 18/12/2013 cho anh Th tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Đ có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh Th là 2.000.000đ/tháng, thời gian kể từ tháng 12/2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn (chị Đ đã nộp) và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Chị Nguyễn Thị Đ hiện đang sinh sống tại Nhật Bản. Anh Vũ Văn Th có hộ khẩu thường trú tại: Thôn MB, xã TT, huyện NS, tỉnh Hải Dương. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- *Về xét xử vắng mặt các đương sự:* Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt nhưng đều có đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Vũ Văn Th tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện NS, tỉnh Hải Dương vào ngày 14/6/2013 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, từ đó đến nay hai bên không còn quan tâm đến nhau. Chị Đ trong thời gian nghỉ phép về Việt Nam đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, phân định quyền nuôi con nhưng do điều kiện công việc, chị Đ phải trở lại Nhật Bản nên chị Đ không đến Tòa án để nộp đơn và làm việc với Tòa án, chị Đ đã có đơn xin ly hôn, bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt, giấy ủy quyền cho ông Nguyễn Thành Kh giao nhận văn bản tố tụng do Tòa án giao cho chị Đ. Các đơn của chị Đ đều có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã TT, huyện NS nơi chị Đ và anh Th cư trú nên các đơn trên là hợp pháp. Quá trình làm việc với Tòa án, anh Th có quan điểm

nhất trí ly hôn theo đề nghị của chị Đ. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đ và anh Th đã trầm trọng, vợ chồng ly thân đã lâu, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị Đ ly hôn với anh Th là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Chị Đ và anh Th có một con chung là Vũ Bảo Ng, sinh ngày 18/12/2013, hiện cháu đang ở cùng anh Th và ông bà nội. Sau khi ly hôn, chị Đ và anh Th đều thống nhất giao con cho anh Th tiếp tục nuôi dưỡng, chị Đ tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh Th là 2.000.000đ/tháng, anh Th nhất trí. Xét thực tế, cháu Ng đang ở cùng anh Th, do anh Th chăm sóc hàng ngày. Do vậy, cần chấp nhận sự thỏa thuận của chị Đ và anh Th giao con chung cho anh Th nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Đ có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh Th là 2.000.000 đồng/tháng, thời gian từ tháng 12/2022 cho đến khi con chung thành niên.

Chị Đ có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị Đ và anh Th đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn anh Vũ Văn Th.

[2]. Về con chung: Giao cho anh Vũ Văn Th tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Vũ Bảo Ng, sinh ngày 18/12/2013, thời gian từ tháng 12/2022 đến khi con chung thành niên. Chị Nguyễn Thị Đ có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh Th là 2.000.000 đồng/tháng, thời gian từ tháng 12/2022 cho đến khi con chung thành niên.

Kể từ ngày anh Vũ Văn Th có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, nếu chị Nguyễn Thị Đ chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải

chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Chị Nguyễn Thị Đ có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Đ đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001655 ngày 11/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương và phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con (chị Đ chưa nộp).

[4]. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật; Anh Vũ Văn Th vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

Nơi nhân:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã TT, huyện NS, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa GD&NCTN, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mai Hoa